

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 613/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2017

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 412
	Ngày: 20/3
	Chuyên: Về

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC – Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các PCVP và CV: TH, QH;
- Lưu: VT, KNNV. ✓



Nguyễn Văn Cao

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN BỊ HỦY BỎ, BÃI BỎ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 613 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	Lĩnh vực Xây dựng	
1.	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nông thôn (đối với những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt)	Theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn.
2.	Điều chỉnh giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nông thôn	
3.	Gia hạn giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nông thôn	
4.	Cấp lại giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại nông thôn	
5.	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo nhà ở riêng lẻ tại nông thôn	
II	Lĩnh vực công an	
6.	Đăng ký thường trú	Các TTHC này thuộc phạm vi giải quyết của các cơ quan do Bộ Công an quản lý.
7.	Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú	
8.	Xóa đăng ký thường trú	
9.	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu	
10.	Tách sổ hộ khẩu	
11.	Cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu	
12.	Cấp giấy chuyển hộ khẩu	
13.	Khai báo tạm vắng	
14.	Đăng ký tạm trú	
15.	Điều chỉnh thay đổi trong sổ tạm trú	
16.	Cấp đổi, cấp lại sổ tạm trú	
17.	Tiếp nhận thông báo lưu trú	
18.	Xác nhận đơn đề nghị cấp lại Chứng minh nhân dân	

19.	Xác nhận Giấy khai đăng ký sang tên, di chuyển xe	
III	Lĩnh vực dân quân tự vệ	
20.	Đăng ký bổ sung nghĩa vụ quân sự	Các TTHC này thuộc phạm vi giải quyết của các cơ quan do Bộ Quốc phòng quản lý.
21.	Đăng ký di chuyển nghĩa vụ quân sự	
22.	Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ	
23.	Đăng ký bổ sung đối với người sẵn sàng nhập ngũ	
24.	Đăng ký bổ sung đối với Quân nhân dự bị	
25.	Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác đối với Người sẵn sàng nhập ngũ	
26.	Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ huyện này sang huyện khác đối với Quân nhân dự bị	
27.	Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ xã này sang xã khác trong phạm vi huyện đối với Người sẵn sàng nhập ngũ	
28.	Đăng ký di chuyển nơi cư trú từ xã này sang xã khác trong phạm vi huyện đối với Quân nhân dự bị	
29.	Đăng ký vắng mặt đối với người sẵn sàng nhập ngũ (SSNN) được phép ra nước ngoài về việc riêng từ 3 tháng đến dưới 1 năm	
30.	Đăng ký vắng mặt đối với Quân nhân dự bị (QNDB) đã được xếp vào đơn vị dự bị động viên, khi vắng mặt khỏi nơi cư trú từ 10 ngày trở lên	
31.	Đăng ký vắng mặt đối với Quân nhân dự bị (QNDB) được phép ra nước ngoài vì việc riêng từ 3 tháng đến dưới 1 năm	
32.	Xét chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ chưa tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc khi bị ốm, chết đối với dân quân tự vệ ốm đau, chết	
33.	Xét chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bị tai nạn trong khi làm nhiệm vụ hoặc tai nạn rủi ro	
34.	Xét chế độ một lần đối với quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên chức trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	

35.	Xét chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an, thanh niên xung phong hưởng lương, cán bộ dân chính đảng tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K	
36.	Xét chế độ một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật) đã về gia đình	
37.	Xét chế độ một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội, công an và cán bộ xã, phường trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng bổ sung Thông tư 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC)	
38.	Xét chế độ một lần đối với đối tượng là du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước (đối tượng bổ sung Thông tư 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC)	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

